

CHƯƠNG 1:

ĐẠI CƯƠNG VỀ QUẢN TRỊ HỌC

***BỘ MÔN: QUẢN TRỊ KD
ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG***

NỘI DUNG CHƯƠNG 1

1

QUẢN TRỊ HỌC LÀ GÌ

2

CÁC CHỨC NĂNG CỦA QUẢN TRỊ

3

ĐỐI TƯỢNG CỦA QUẢN TRỊ

4

NHÀ QUẢN TRỊ

1. QUẢN TRỊ HỌC LÀ GÌ ?

1.1 Định nghĩa quản trị:

- Quản trị là những hoạt động cần thiết khi có **nhều người** kết hợp với nhau trong một tổ chức nhằm hoàn thành **mục tiêu** chung.
- Quản trị là quá trình **hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát** công việc và những nỗ lực của con người, đồng thời vận dụng một cách có hiệu quả mọi tài nguyên, để hoàn thành các mục tiêu đã định.

1. QUẢN TRỊ HỌC LÀ GÌ ?

1.1 Định nghĩa quản trị:

Nếu xét riêng từng từ một thì ta có thể giải thích như sau:

- Quản: là đưa đối tượng vào **khuôn mẫu** qui định sẵn.
- Trị: là **dùng quyền lực buộc đối tượng** phải làm theo khuôn mẫu đã định. Nếu đối tượng không thực hiện đúng thì sẽ áp dụng một hình phạt nào đó đủ mạnh, đủ sức thuyết phục để buộc đối tượng phải thi hành nhằm đạt được mục tiêu.

1. QUẢN TRỊ HỌC LÀ GÌ ?

1.1 Định nghĩa quản trị:

Tóm lại: Quản trị là quá trình làm việc với và thông qua người khác để thực hiện các mục tiêu của tổ chức một cách hiệu quả nhất trong môi trường luôn biến động.

Câu hỏi : Nêu chân dung một nhà quản trị mà anh/chị cho là thành công?

1. QUẢN TRỊ HỌC LÀ GÌ ?

Định nghĩa quản trị tập trung vào những vấn đề:



1. QUẢN TRỊ HỌC LÀ GÌ ?

1.2 Quản trị là khoa học và nghệ thuật:

Tính khoa học của quản trị thể hiện :

- ✚ Khoa học quản trị xây dựng nền lý thuyết về quản trị, giúp nhà quản trị cách tư duy hệ thống, khả năng phân tích và nhận diện đúng bản chất vấn đề và các kỹ thuật để giải quyết vấn đề phát sinh.

1. QUẢN TRỊ HỌC LÀ GÌ ?

1.2 Quản trị là khoa học và nghệ thuật:

Tính khoa học của quản trị thể hiện :

- ✚ Tính khoa học đòi hỏi nhà quản trị phải suy luận khoa học để giải quyết vấn đề, không nên dựa vào suy nghĩ chủ quan, cá nhân.

1. QUẢN TRỊ HỌC LÀ GÌ ?

1.2 Quản trị là khoa học và nghệ thuật:

Tính nghệ thuật của quản trị thể hiện :

- Nghệ thuật là sự **tinh lọc kiến thức để vận dụng phù hợp trong từng lĩnh vực, trong từng tình huống.**

Ví dụ trong một số lĩnh vực sau:

- + Nghệ thuật sử dụng người.
- + Nghệ thuật quảng cáo
- + Nghệ thuật giao tiếp, ứng xử.
- + Và trong bất cứ một lĩnh vực nào khác.

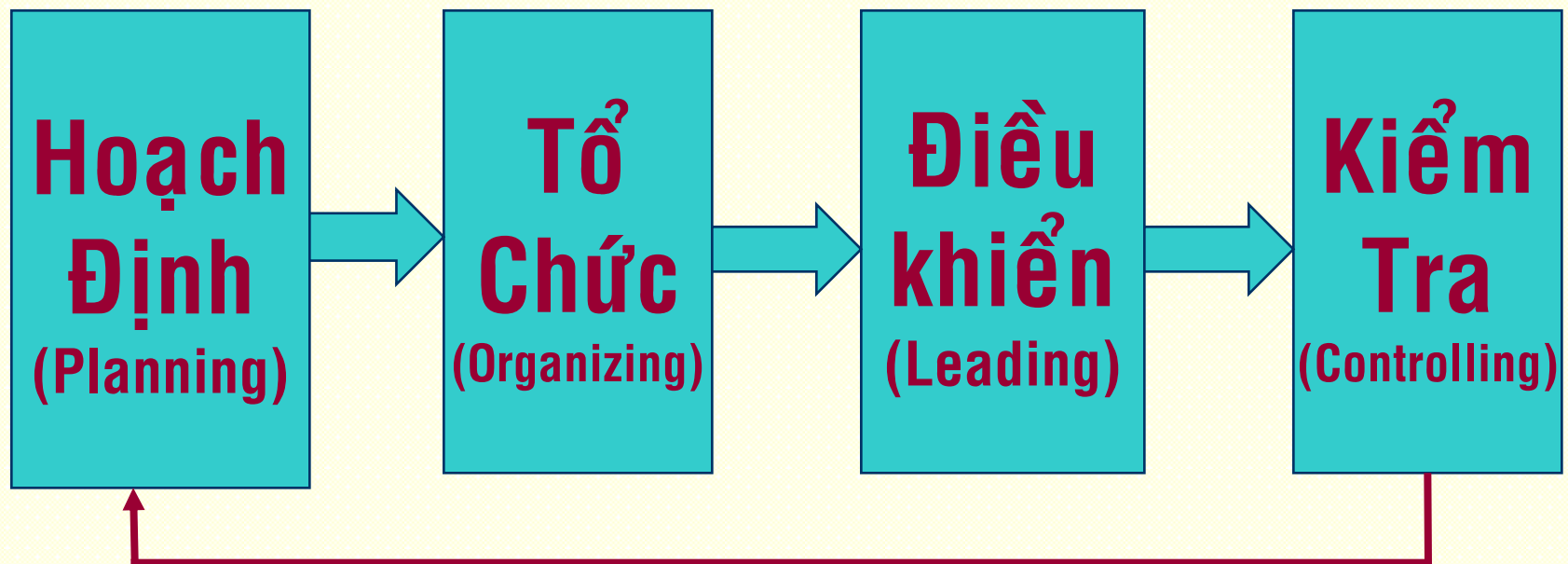
1. QUẢN TRỊ HỌC LÀ GÌ ?

1.2 Quản trị là khoa học và nghệ thuật:

Mối quan hệ giữa khoa học và nghệ thuật:

- + Nắm được khoa học quản trị, GD đỡ thất bại trong kinh doanh.
- + Nắm được nghệ thuật quản trị, sẽ giúp GD giữ được bền vững trong kinh doanh.

2. CÁC CHỨC NĂNG QUẢN TRỊ



2. CÁC CHỨC NĂNG QUẢN TRỊ

Hoạch định:

- Chức năng xác định mục tiêu cần đạt được.
- Đề ra chương trình hành động để đạt mục tiêu trong từng khoảng thời gian nhất định.
- Đưa ra các kế hoạch khai thác cơ hội và hạn chế bất trắc của môi trường.

Tổ chức:

- Chức năng tạo dựng một môi trường nội bộ thuận lợi để hoàn thành mục tiêu
- Xác lập một cơ cấu tổ chức và thiết lập thẩm quyền cho các bộ phận, cá nhân, tạo sự phối hợp ngang, dọc trong hoạt động của tổ chức.

2. CÁC CHỨC NĂNG QUẢN TRỊ

Điều khiển :

Chức năng liên quan đến *lãnh đạo và động viên* nhân viên nhằm hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra.

Kiểm tra :

Chức năng liên quan đến kiểm tra việc hoàn thành mục tiêu thông qua đánh giá các kết quả thực hiện mục tiêu, tìm các *nguyên nhân gây sai lệch và giải pháp khắc phục*.

2. CÁC CHỨC NĂNG QUẢN TRỊ

2.2 Nguồn gốc của các chức năng quản trị:

- ✚ Năm 1916, nhà quản trị nổi tiếng người Pháp HENRY FAYOL cho rằng quản trị có 5 chức năng.
- ✚ Sau đó 7 năm, vào năm 1923 LYTHER GUILICK và LYNDAL URWICH chia thành 7 chức năng.
- ✚ Đến thập niên 60 của thế kỷ XX, HAROLD KOONTZ và CYRIL O'DONNELL nêu lên 5 chức năng.
- ✚ Đến thập niên 80 của thế kỷ XX, JAMES STONER và STEPHEN P.ROBBINS chia thành 4 chức năng.

2. CÁC CHỨC NĂNG QUẢN TRỊ

2.2 Nguồn gốc của các chức năng quản trị:

1916

Hoạch định
Tổ chức
Chỉ huy
Phối hợp
Kiểm tra

1923

Hoạch định
Tổ chức
Nhân sự
Thực hiện
Phối hợp
Kiểm tra
Tài chính

196x

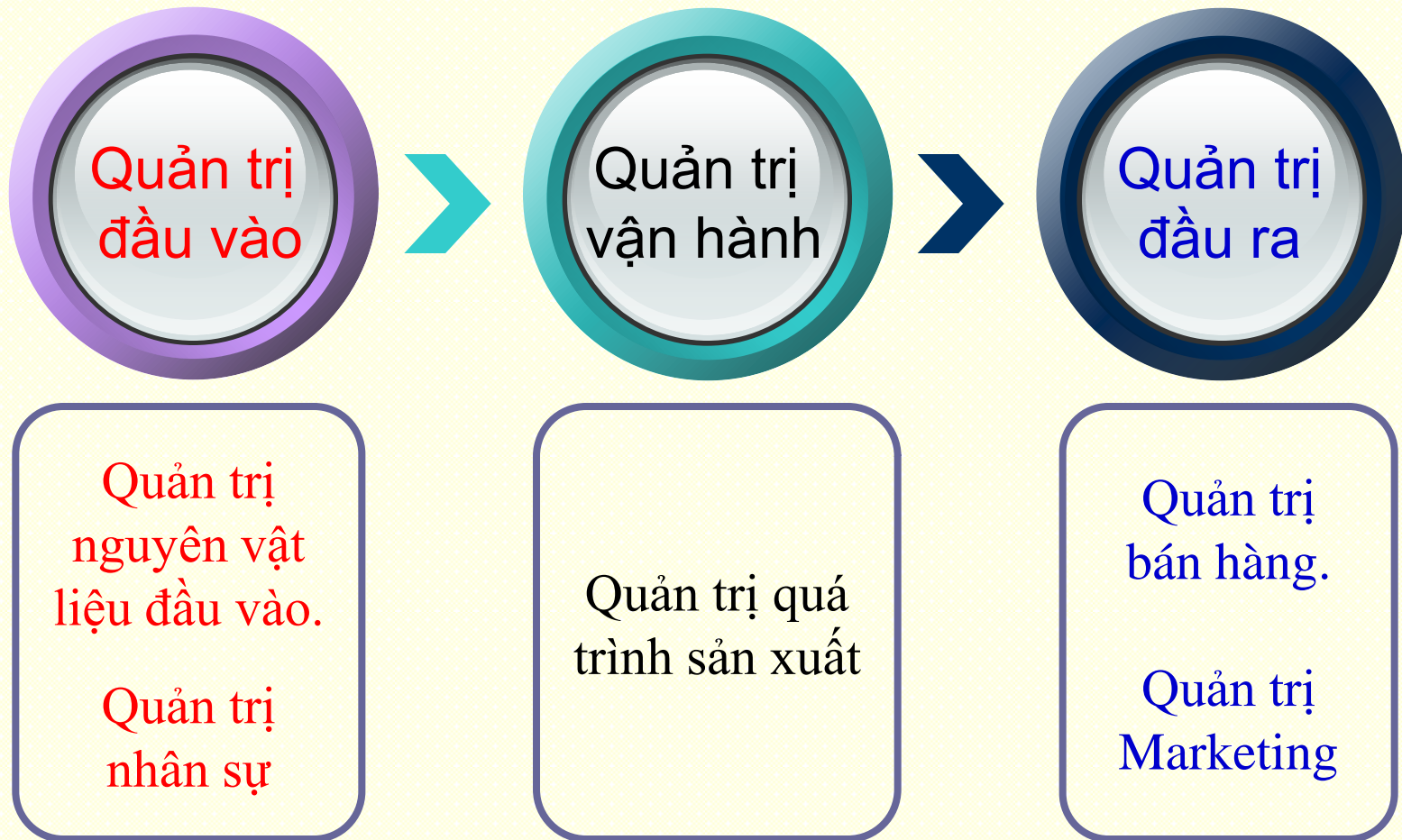
Kế hoạch
Tổ chức
Nhân sự
Lãnh đạo
Kiểm tra

198x

Hoạch định
Tổ chức
Lãnh đạo
Kiểm tra

3. ĐỐI TƯỢNG QUẢN TRỊ

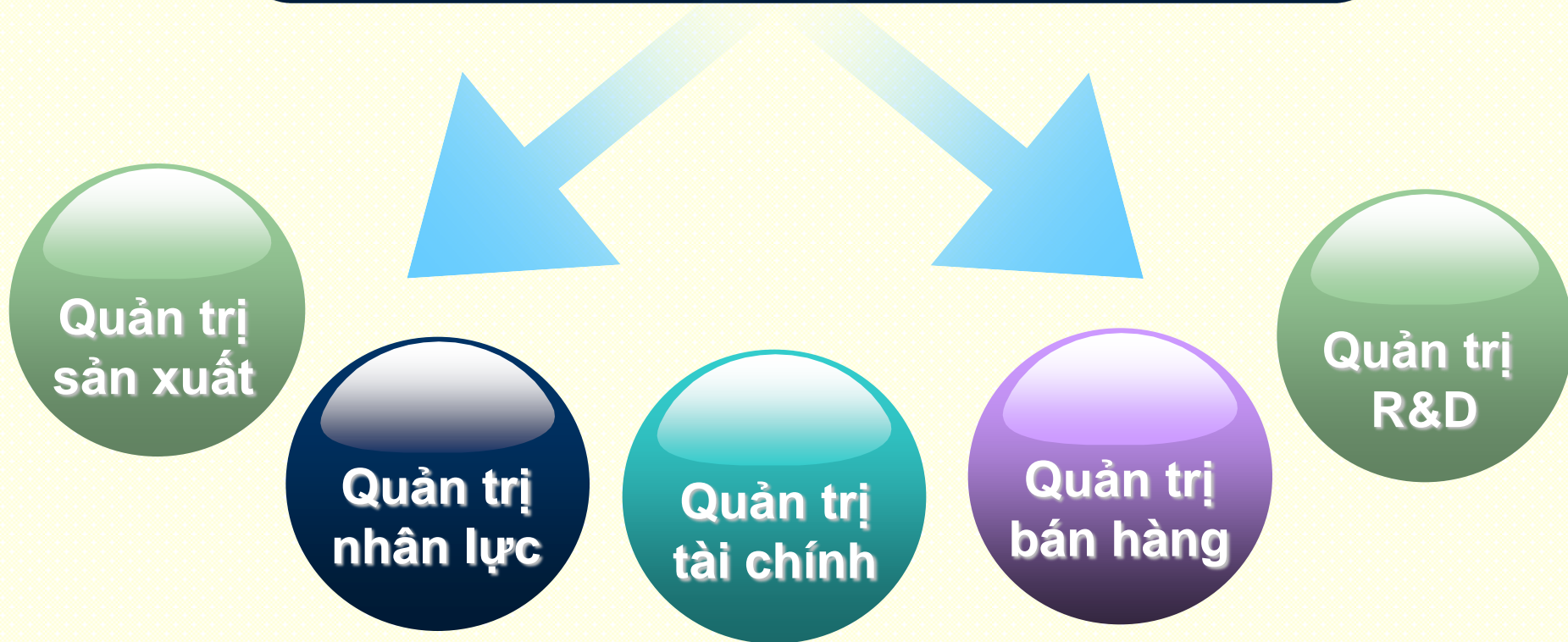
3.1 Tiếp cận theo quá trình hoạt động



3. ĐỐI TƯỢNG QUẢN TRỊ

3.2 Tiếp cận theo lĩnh vực hoạt động

TIẾP CẬN THEO LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG



4. NHÀ QUẢN TRỊ

4.1 Thế nào là nhà kinh doanh (entrepreneur):

- **Khái niệm:** *nhà kinh doanh là người sáng lập ra doanh nghiệp*, giữ quyền sở hữu và quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh
- **Mục đích:** tìm kiếm lợi nhuận, tự khẳng định bản thân mình, hay thỏa mãn nhu cầu sáng tạo.....

4. NHÀ QUẢN TRỊ

4.1 Thế nào là nhà kinh doanh (entrepreneur):

- Đặc điểm:

- Là người có chí tiến thủ, có cao vọng.
- Chấp nhận rủi ro lớn.
- Muốn khẳng định mình

4. NHÀ QUẢN TRỊ

4.2 Thế nào là nhà quản trị :

- Khái niệm:

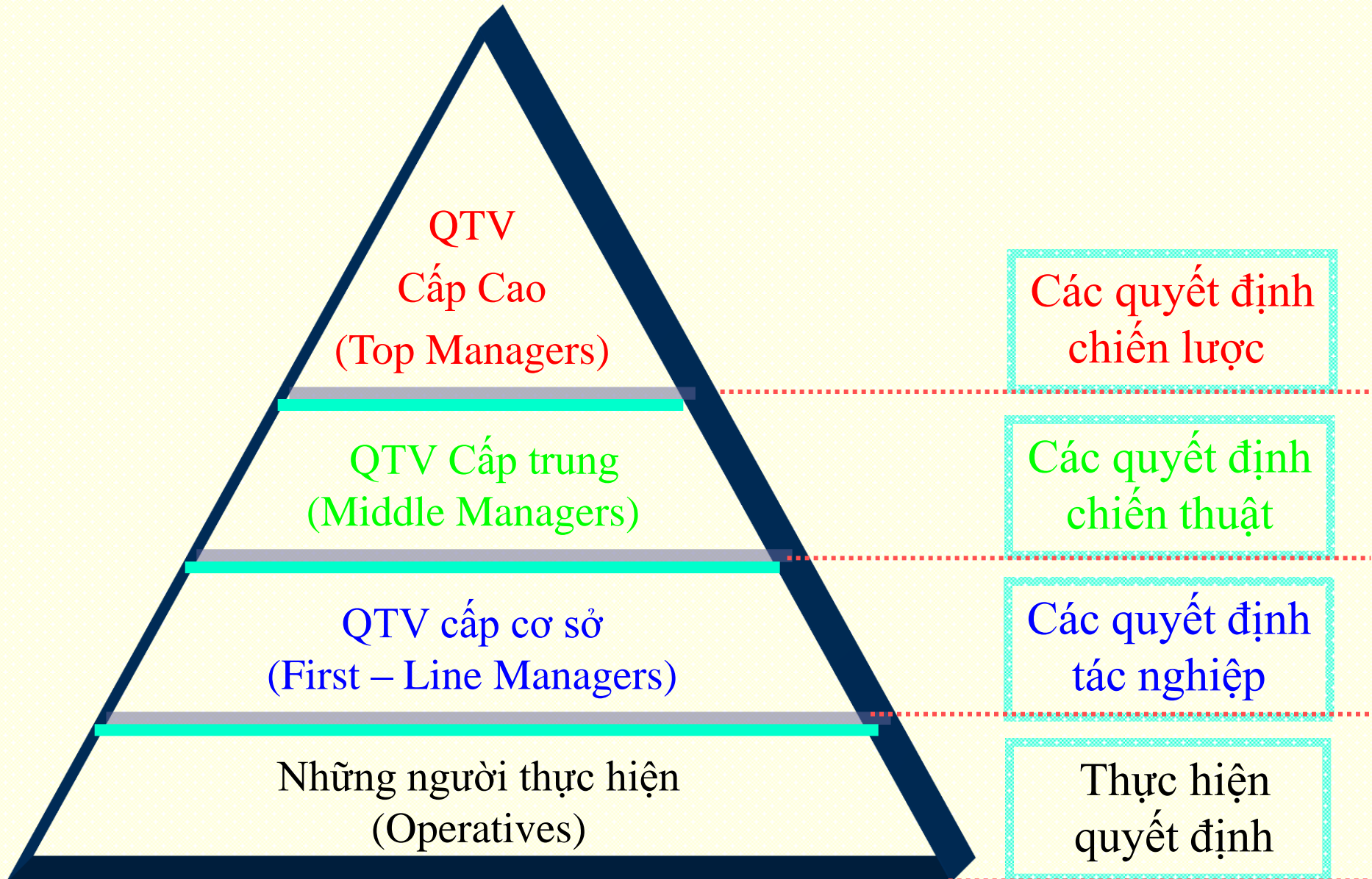
- Nhà quản trị là những người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành một bộ phận hay cả tổ chức.
- Những người không thực hiện công tác quản lý và điều hành được gọi là *người thừa hành*.

4. NHÀ QUẢN TRỊ

4.3 Các cấp quản trị:

- Quản trị viên cấp cao.
- Quản trị viên cấp giữa hay cấp trung gian.
- Quản trị viên cấp cơ sở.

4.3 Các cấp quản trị trong tổ chức:



4. NHÀ QUẢN TRỊ

4.3 Cấp bậc quản trị và các chức năng:

	QTV cấp cao	QTV cấp trung	QTV cấp thấp
Hoạch định	28%	18%	15%
Tổ chức	36%	33%	24%
Điều khiển	22%	36%	51%
Kiểm tra	14%	13%	10%

4. NHÀ QUẢN TRỊ

4.4 *Vai trò của nhà quản trị* (HENRY MINTZBERG - 1973)

Loại vai trò quan hệ tương tác giữa người và người

**Vai trò
tượng trưng**

Thể hiện như một biểu hiện về quyền lực pháp lý, thực hiện nhiệm vụ mang tính nghi lễ, hình thức

**Vai trò
người lãnh đạo**

Động viên, đôn đốc, thúc đẩy cấp dưới hoàn thành nhiệm vụ

**Vai trò
liên kết**

Là chiếc cầu nối, truyền thông, liên kết mọi người trong và ngoài tổ chức.

4. NHÀ QUẢN TRỊ

4.4 *Vai trò của nhà quản trị* (HENRY MINTZBERG - 1973)

Loại vai trò truyền thông

Trung tâm thu thập, xử lý Info

Điểm trọng tâm trung chuyển, lưu trữ, xử lý tất cả các loại thông tin.

Phổ biến, truyền đạt thông tin

Chuyển giao những thông tin cho cấp dưới, báo cáo thông tin cho cấp trên.

Người phát ngôn của tổ chức

Chuyển giao những thông tin chọn lọc cho những người bên ngoài công ty.

4. NHÀ QUẢN TRỊ

4.4 *Vai trò của nhà quản trị* (HENRY MINTZBERG - 1973)

Loại vai trò ra quyết định

Doanh nhân

Khởi xướng các thay đổi bên trong tổ chức

Người giải quyết xung đột

Tiến hành các hoạt động điều chỉnh cần thiết, hòa giải và xử lý những xung đột.

Điều phối các nguồn lực

Quyết định phân chia các nguồn lực trong tổ chức cho từng bộ phận hay dự án.

Nhà thương lượng

Tham gia thương lượng với các đối tác để đem lại ổn định và quyền lợi cho tổ chức.

4. NHÀ QUẢN TRỊ

4.5 Các kỹ năng của nhà quản trị:

- ✚ Kỹ năng nhận thức (hay kỹ năng tư duy)
- ✚ Kỹ năng quan hệ (hay kỹ năng nhân sự)
- ✚ Kỹ năng kỹ thuật

4. NHÀ QUẢN TRỊ

4.5 Các kỹ năng của nhà quản trị:

- **Kỹ năng nhận thức (hay kỹ năng tư duy)**
 - Là khả năng, năng lực tư duy và hoạch định.
 - Có khả năng phán đoán tốt.
 - Óc sáng tạo, trí tượng tượng cao.

4. NHÀ QUẢN TRỊ

4.5 Các kỹ năng của nhà quản trị:

- **Kỹ năng quan hệ (kỹ năng nhân sự)**
 - Là cách thức làm việc, lãnh đạo và động viên.
 - Những mối quan hệ trong tổ chức.

4. NHÀ QUẢN TRỊ

4.5 Các kỹ năng của nhà quản trị:

- Kỹ năng kỹ thuật

- Là khả năng cần thiết để thực hiện một công việc cụ thể, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhà quản trị.
- Cần thiết trong các lĩnh vực kỹ thuật như: kiến trúc, xây dựng, nghiên cứu thị trường, kế toán, IT....

4. NHÀ QUẢN TRỊ

4.6 Yêu cầu về kỹ năng theo cấp quản trị

QTV cấp cao	QTV cấp trung	QTV cấp thấp
Kỹ năng nhận thức	Kỹ năng quan hệ	Kỹ năng chuyên môn